

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04138**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Luật Hình sự và Tố tụng HS**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996			8	9	9.0	9.0	7.0	7.0	9.3		8.8
2	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990			8	9	9.0	9.0	9.0	9.0	8.5		8.7
3	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988			9	9	8.0	8.0	7.0	7.0	9.5		8.8
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992			6	6	6.0	5.0	6.5	5.0	0.0		2.3
5	2453801010006	Trần Cường	03/10/1993			9	10	9.0	9.0	9.0	9.0	9.3		9.2
6	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh	20/05/1991			9	9	9.0	9.0	9.0	9.0	0.0		3.6
7	2453801010008	Lê Huỳnh	28/06/1983			9	10	9.5	9.5	10.0	10.0	9.5		9.6
8	2453801010009	Lê Hùng	13/08/1995			9	9	9.5	9.5	10.0	10.0	10.0		9.8
9	2453801010010	Trần Vĩ	06/11/2004			9	9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0		9.0
10	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh	31/08/2008			8	9	8.5	8.5	7.0	7.0	0.0		3.2
11	2453801010012	Nguyễn Tuấn	07/04/1998			9	10	9.0	9.0	9.0	9.0	9.8		9.5
12	2453801010013	Phan Hoàng Phú	22/12/2001			7	7	8.0	8.0	7.0	7.0	0.0		3.0
13	2453801010014	Nguyễn Thị Thuý	19/08/2003			9	8	8.0	8.0	9.0	9.0	9.8		9.3
14	2453801010016	Võ Quang	05/02/1987			8	9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.5		9.3
15	2453801010017	Đỗ Thành	10/10/2004			9	10	9.5	9.5	9.5	9.5	8.5		8.9
16	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học	20/10/1987			9	9	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0		9.6
17	2453801010019	Lâm Thị Trúc	01/01/1989			9	9	9.0	9.0	8.5	8.5	9.0		8.9
18	2453801010020	Huỳnh Thị Thu	28/06/1992			9	10	9.5	9.5	9.5	9.5	10.0		9.8
19	2453801010021	Hứa Hoàng	04/11/1982			9	8	8.0	8.0	10.0	10.0	8.5		8.7
20	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên	06/02/1987			9	9	9.5	9.5	9.0	9.0	8.3		8.7
21	2453801010023	Châu Thị Lan	15/10/2001			9	8	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0		9.6
22	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh	20/04/2006			9	8	9.0	9.0	9.0	9.0	8.3		8.5
23	2453801010026	Chau	03/03/1998			9	8	8.0	8.0	7.0	7.0	0.0		3.1
24	2453801010027	Nguyễn Tấn	01/01/1982			8	9	9.0	9.0	9.5	9.5	10.0		9.6
25	2453801010028	Ngô Lê Thái	08/05/2004			9	9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0		9.0
26	2453801010029	Khuru Thị Thanh	11/11/1999			9	10	9.5	9.5	10.0	10.0	9.5		9.6
27	2453801010030	Nguyễn Ngọc	01/04/1995			9	8	8.0	8.0	7.0	7.0	10.0		9.1
28	2453801010031	Nguyễn Thanh	10/07/1987			9	8	8.0	8.0	9.0	9.0	10.0		9.4
29	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh	10/01/1979			9	8	9.0	9.0	9.0	9.0	10.0		9.6
30	2453801010035	Khuru Thuý	05/02/2005			8	9	9.0	9.0	9.0	9.0	9.0		9.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 17 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc